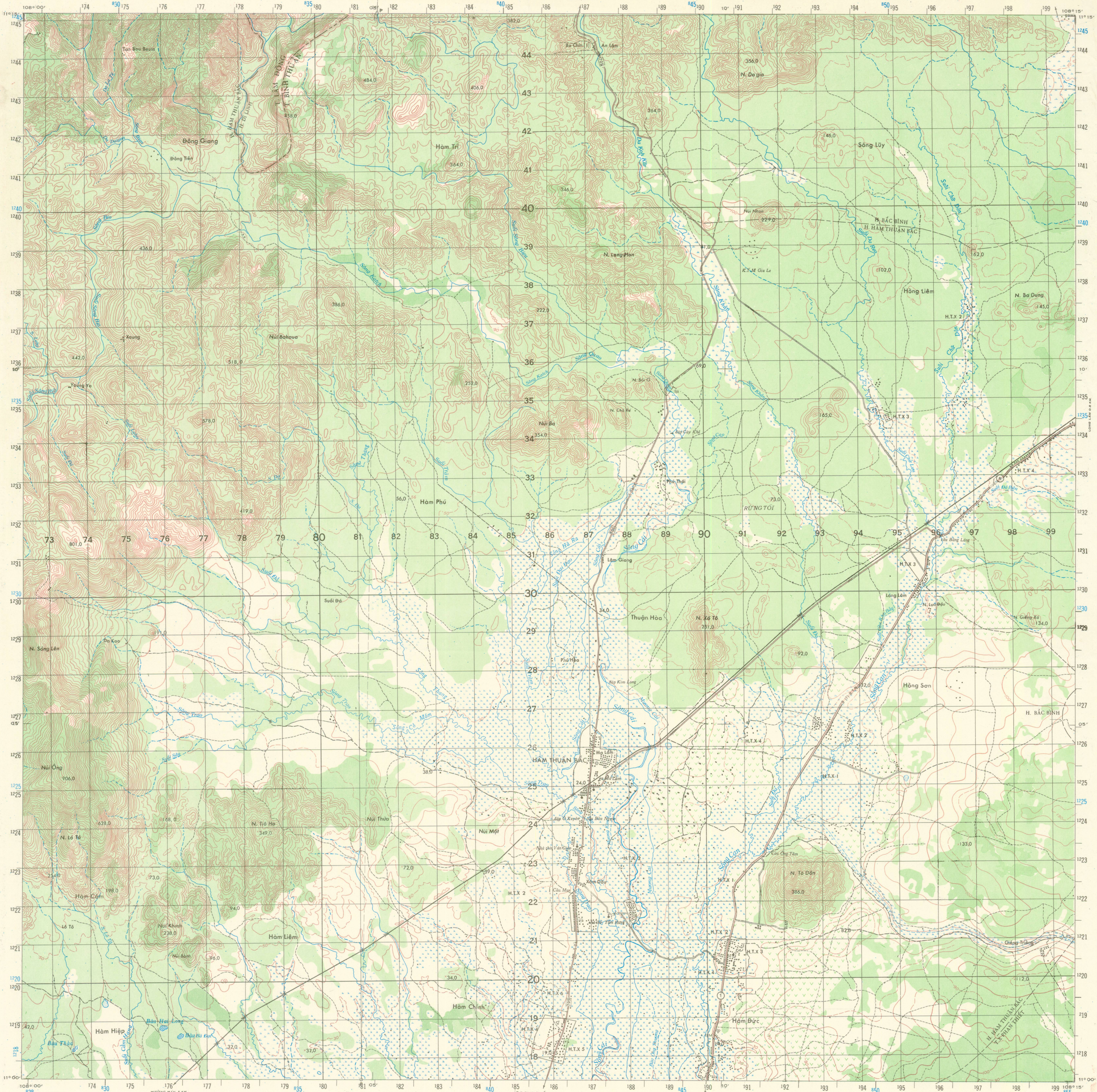




CỤC BẢN ĐỒ - BỘ TỔNG THAM MƯU - XÍ NGHIỆP BẢN ĐỒ II ĐÀ LẠT
Tài bản lần thứ hai tại Đà Lạt năm 1992 theo tài liệu
1 - 1:50.000 U.T.M. in năm 1981
2 - Địa danh, ranh giới hành chính theo tài liệu năm 1991
3 - Đường số theo 1:500.000 giao thông năm 1988
Chú ý: Độ cao chưa được kiểm tra ở thực địa

MA LÂM 6631 III

Đường sắt rộng 1m
Đường sắt rộng 1m45
Đường sắt 1m và 1m45
Đường ga, đường xe điện
Đường sắt đang làm hoặc bắc ray
Đường sắt và nhà ga
Đường sắt trong ga
Đường ô tô lớn
Đường quốc lộ, Tân đường, Tỉnh chất rải mặt
Liên tỉnh lộ, tỉnh lộ, Tân đường, Tỉnh chất rải mặt
Đường ô tô không rải mặt, Độ rộng mặt đường

Đường ô tô đang làm
Đường đất nhỏ
Đường mòn
Đường đắp cao, xà sâu
Đê ô tô không đi được
Biệt giới nước, Cột mốc
Địa giới tỉnh, thành phố
Địa giới quận, huyện, thị xã
Địa giới xã, thị trấn
Cấp loại ranh giới khác
Tường và công thành
Các loại tường vữa

Khu phố nhà gạch
Khu phố nhà lĩ
Khu phố bị phá hoại
Làng, xóm, bản
Nhà dệt xuất
Nhà máy có ống khói, không có ống khói
Ống khói nhà máy, Trạm khí tượng
Trạm bưu điện, Trạm thu phát tín hiệu
Trạm phát điện, biến thế điện, Lò nung
Tháp, cột cao, Tháp cổ
Sân vận động, Sân kho hợp tác xã
Nghĩa trang, nghĩa địa

Tượng đài, Bàng
Nhà thờ, đình, chùa lớn
Nhà thờ, đình, chùa nhỏ
Trường học, Bệnh viện
Chợ, Lò cốt
Kho nhiên liệu, Đê độc lập
Cây độc lập, Đèn cây có ý nghĩa phương vị
Sân bay cấp 1, 2, 3, cấp 4
Hầm mỏ: Đang khai thác; ngừng khai thác
Mỏ lộ thiên
Độ cao: Đã kiểm tra; chưa kiểm tra
Trụ sở U. B. N. D xây thị trấn, huyện, quận, tỉnh, thành phố

Đường dây điện cao thế
Đường ống dẫn nước, dầu, khí
Cống nước, Nguồn nước
Ruộng muối
Khúc sông chảy ngầm
Mương đào
Mương có bờ đắp 2 bên, 1 bên
Sông hồ có nước quanh năm
Sông hồ có nước từng mùa
Độc đồng lùn bờ
Độc đồng xa bờ
Hương nước chảy

Cầu tầng ô tô đi trên
Cầu đường sắt và đường ô tô đi chung
Cầu đường sắt và đường ô tô đi sắt nhau
Ngầm ô tô qua được
Bến phà
Bến đò
Thác
Chênh
Đập ô tô qua được
Đập ô tô không qua được
Ấu thuyền
Cầu, cống

Bãi cát, sỏi, cuội
Bãi bãi
Bãi đá lùn chồm
Bờ có gĩa cỏ
Kê chắn nước, đá chắn sóng
Cột tín hiệu, Cầu tàu kầu đá
Bến tàu thuyền, chỗ bỏ neo
Đàn biển
Chỗ tàu đắm
Đá nhô trên mặt nước, Đá ngầm
Đá lác nhỏ lặn, lác ngầm, San hô
Đường bình độ sâu, Đầm độ sâu

Rừng già
Rừng thưa, bụi rậm.
Rừng người trồng cao trên 4m
Rừng người trồng từ 4m trở xuống
Ruộng lúa
Hòn nâu
Bãi cát, sỏi trên cạn
Bãi đá lùn
Núi đá
Núi đất
Và bằng nét chữ tượng trưng

Đường bình độ

Đường bình độ

Đường bình độ

ĐỘ LỆCH TỪ ĐO NĂM 1970

GÓC ĐỘ	LY GÁC
0°33'	0-09
0°42'	0-12
0°42'	0-21
0°42'	0-10
0°42'	0-02
0°42'	0-12



1:50.000

1cm bằng 500m thực địa

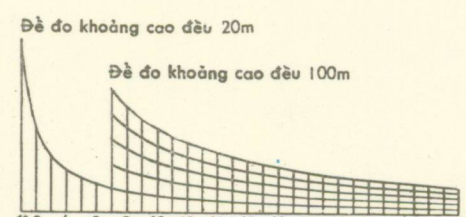
Khả năng cao đều đường bình độ cao bản là 20m đường bình độ phụ là 10m

E-LIP QUẢ ĐẤT E-VG-RÉT, CHIỀU HÌNH U.T.M., MŨI 49

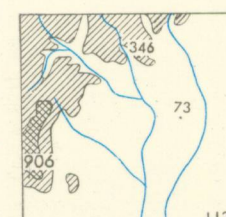
GÓC ĐẠI ĐỊA AN ĐỘ 1960. GÓC ĐỘ CAO HÀ TIỀN

CHÚ Ý: Các mốc đen ngoài khung và số tọa độ xanh là lưới ô vuông múi 48

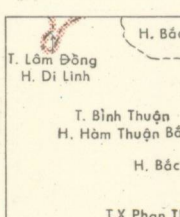
THƯỚC ĐỘ ĐỐC



DẏNG ĐẤT



ĐỊA GIỚI



BẢNG CHẬP

6531 I	6531 IV	6531 I
6531 II	6531 III	6531 II
6530 I	6530 IV	6530 I